

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 157/2020/DS - PT

Ngày: 11 – 9 - 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và bà Lưu Thị Thu Hường.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DSST ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2020/QĐ-PT ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố 3B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà H’K Mlô, sinh năm 1963; địa chỉ: Buôn E, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Lê Thành N, sinh năm 1987; địa chỉ: 17 Y, phường T, TP B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố 3B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị Thanh Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố 3B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng:

Bà H' N Bjă – sinh năm 1971. Địa chỉ: Buôn T A, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà H'K Mlô

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, qua các lần hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:***

Ngày 13/4/2016, bà H' K Mlô thế chấp cho tôi 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm BO 006764 – BO 006765 – BO 006767 theo Hợp đồng thế chấp số 00199 để vay 450.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 02 tháng từ ngày 13/4/2016 đến ngày 13/6/2016, hai bên cùng đến Văn phòng công chứng P ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, công chứng ngày 13/4/2016.

Ngoài số tiền vay 450.000.000 đồng trên, qua nhiều lần vay mượn sau đó, tính đến ngày 19/4/2017, bà H' K có vay thêm và xác nhận nợ tôi số tiền 1.073.000.000 đồng, chứng từ thể hiện theo “ Giấy nhận nợ và xin gia hạn” ngày 19/4/2017 do chính tay bà H' K Mlô viết, ký xác nhận, điểm chỉ.

Cả hai khoản nợ 450.000.000 đồng và 1.073.000.000 đồng đều quá hạn, mặc dù tôi nhắc nhở nhiều lần nhưng bà H' K Mlô vẫn chưa có tiền để trả cho tôi số tiền gốc và lãi của hai khoản vay trên.

Ngày 24/7/2017, bà H' K có đến nhà tôi thương lượng, thỏa thuận chót nợ tiền gốc và lãi của 02 khoản vay này tổng cộng là 1.650.000.000 đồng, đồng thời thỏa thuận xóa thế chấp của HĐTC 00199 ngày 13/4/2016 để hai bên xác lập lại Hợp đồng mới. Cơ quan Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E đã xóa đăng ký thế chấp ngày 31/7/2017.

Ngày 01/8/2017, tôi và bà H' K Mlô đến Văn phòng Công chứng P ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với số tiền 1.650.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 01/8/2017 đến 01/11/2017, mục đích vay là đầu tư cà phê, tiêu, mua rẫy, nuôi heo, trả nợ, bà H'K thế chấp cho tôi 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BO 006764; BO 006765 và BO 006767.

Ngày 31/10/2017, bà H' K trả cho tôi số tiền 1.000.000.000 đồng và tự viết Giấy thỏa thuận ngày 31/10/2017, với nội dung là bà H' K bán diện tích đất 14.930m<sup>2</sup>, số bìa BO 006765 cho ông L1 để trả cho tôi một tỷ đồng và tôi cũng đã trả lại hai bìa đất còn lại cho bà H'K, nợ lại 650.000.000 đồng, hẹn trong vòng 15 ngày vay Ngân hàng trả đủ số tiền còn lại cho tôi. Đối với số tiền 650.000.000 đồng còn nợ lại và tiền lãi của số tiền 1.650.000.000 đồng tính từ ngày 01/8/2017 đến ngày 31/10/2017, tổng cộng thành 750.000.000 đồng.

Ngày 29/11/2017, hai bên thỏa thuận xác lập Hợp đồng vay tiền số 18 với số tiền 750.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, từ ngày 29/11/2017 đến 01/03/2018, lãi suất 1,5%/tháng, được Văn phòng công chứng P công chứng ngày 30/11/2017.

Do sơ suất trong quá trình đánh máy của nhân viên công chứng nên nhầm tháng 11 thành tháng 10. Sau khi phát hiện ra sai sót thì chúng tôi đã yêu cầu sửa ngay lúc đó và được sửa lại thành tháng 11 và có đóng dấu treo.

Ngày 27/3/2018, bà H'K Mlô có trả cho tôi số tiền 320.000.000 đồng và còn nợ số tiền 430.000.000 đồng và chưa trả tiền lãi cho tôi kể từ ngày vay.

Đã quá thời hạn trả nợ, mặc dù tôi có đến nhà nhắc nhở nhiều lần nhưng bà H'K Mlô vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho tôi với số tiền còn lại.

Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện EaKar xem xét giải quyết buộc bà H'K Mlô phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng tôi số tiền gốc còn nợ 430.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án tính lãi suất cho tôi đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

***Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ông Lê Thành N trình bày:***

Ngày 13/4/2016 bà H' K Mlô đi cùng bà H'N mang 03 GCNQSDĐ số BO 006765; BO 006764; BO 006767 đến nhà của ông Nguyễn Văn L để bà H'K thế chấp vay số tiền 420.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, khi nào bà H' K trả xong nợ sẽ lấy lại các GCNQSDĐ. Mặc dù lúc giao dịch bà H' N đứng ở ngoài hè nhà ông L nhưng toàn bộ sự việc này bà H' N biết rõ vì lúc nhận tiền thì ông L gọi bà H' N vào nhận 394.000.000 đồng do đã trừ 26.000.000 đồng tiền lãi của tháng đầu tiên theo tính toán của ông L. Bà H' N cầm tiền và lấy 380.000.000 đồng gồm nợ gốc 350.000.000 đồng và nợ lãi 30.000.000 đồng, còn lại 14.000.000 đồng bà H' N đưa cho bà H' K. Sau đó ông L đã tự đi đăng ký nhận thế chấp 03 GCNQSDĐ của bà H' K tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E vào ngày 13/4/2016.

Đến tháng 10/2017 thì ông L yêu cầu bà H' K phải trả nợ gốc và lãi với số tiền tổng cộng là 1.750.000.000 đồng. Nợ gốc là 420.000.000 đồng nhưng ông L tự tính lãi lên đến 1.330.000.000 đồng/19 tháng. Bà H' K chưa có tiền để trả thì ông L gặp trực tiếp và yêu cầu bà H' K phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với GCNQSDĐ số BO 006765 có diện tích 14.930m<sup>2</sup> – thửa đất số 183, 184, 210, 211, tờ bản đồ số 17 qua cho con ông L là ông Nguyễn Thành L1 để trừ bớt số tiền nợ 1.000.000.000 đồng. Ông L đe dọa nếu không ký hợp đồng chuyển nhượng đất sẽ thuê xã hội đen giết chết hoặc kêu công an bắt bà H' K đi tù vì vay tiền không trả. Do thiếu hiểu biết và quá hoảng sợ nên vào ngày 31/10/2017 bà H' K buộc phải ký các giấy tờ tại nhà ông L rồi ông L tự đến Văn phòng công chứng P công chứng hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất 14.930m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Thành L1. Tại hợp đồng chuyển nhượng này ghi giá chuyển nhượng là 1 tỷ đồng nhưng thực tế bà H' K không nhận được bất cứ đồng nào. Vào ngày 20/11/2017 ông L1 đã đăng ký biến động đứng tên trên GCNQSDĐ số BO 006765.

Sau khi ép bà H' K ký hợp đồng chuyển nhượng đất xong, vào ngày 29/11/2017, ông L tiếp tục ép bà H' K phải ký vào hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng P với số tiền vay là 750.000.000 đồng. Nhưng thực tế bà H' K không nhận được số tiền nào từ ông L theo hợp đồng vay tiền này. Ông L âm

muu chối bỏ nội dung cho bà H' K vay thực tế vào ngày 13/4/2016 với số tiền chỉ là 420.000.000 đồng để thay thế bằng hợp đồng vay tiền mới 750.000.000 đồng cùng hợp đồng chuyển nhượng 14.930m<sup>2</sup> đất nêu trên. Bà H' K bị đe dọa nên ký hợp đồng chuyển nhượng đất nhưng bà H' K kiên quyết không giao đất cho cha con ông L vì thực tế bà không hề có ý chí chuyển nhượng đất và cũng không nhận 1 tỷ đồng chuyển nhượng. Thấy bà H' K không giao đất, ông L cùng con trai lại tiếp tục đe dọa sẽ cho giang hồ xử lý và buộc bà H' K phải ký vào văn bản sau: Văn bản thỏa thuận bàn giao đất và thuê lại tài sản ngày 30/11/2017. Bà H' K xác định văn bản này là do ông L sắp đặt và yêu cầu bà H' K ký vào chứ thực tế giữa hai bên không hề xác lập, tồn tại giao dịch này và ông L tự mang đi công chứng.

Trước những sự việc trên, vào đầu tháng 3/2018 bà H' K lo lắng mất hết tài sản nên đã sang nhà ông L năn nỉ xin lại 02 GCNQSDĐ số BO 006764, số BO 006767. Ông L đồng ý giao trả 02 GCNQSDĐ này cho bà H' K với điều kiện bà H' K phải đi thế chấp ngân hàng vay tiền trả bớt nợ cho ông L. Sau khi vay ngân hàng, vào ngày 27/3/2018 bà H' K trả cho ông L số tiền 320.000.000 đồng và ông L có viết giấy nhận tiền. Bản thân bà H' K xác định chỉ còn nợ ông L số tiền nợ gốc là 420.000.000 đồng trừ 320.000.000 đồng còn lại 100.000.000 đồng cộng với số tiền lãi theo quy định của pháp luật. Toàn bộ giấy tờ do bà H' K ký và viết, điểm chỉ tại nhà ông L do bị ông L ép buộc, đe dọa chứ bà H' K không có đến Văn phòng công chứng để làm bất cứ các thủ tục công chứng.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc bà H' K phải trả số tiền 430.000.000 đồng cùng với tiền lãi suất thì bà H' K không đồng ý. Bà H' K chỉ đồng ý trả cho ông L số tiền nợ gốc còn lại theo khoản vay duy nhất vào ngày 13/4/2016 là 100.000.000 đồng cộng với tiền lãi theo quy định pháp luật với điều kiện ông L cùng với con trai ông L phải hủy bỏ các văn bản sau:

- + Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất tại VP công chứng P, thị trấn E, đối với diện tích đất 14.930 m<sup>2</sup> – thửa đất số 183 – 184 – 210 – 211 tờ bản đồ số 17 giữa bà H' K và ông Nguyễn Thành L1 ngày 31/10/2017;

- + Hợp đồng vay tiền tại VP công chứng P ngày 29/11/2017 giữa bà H' K với ông Nguyễn Văn L;

- + Văn bản thỏa thuận bàn giao đất và thuê lại tài sản ngày 30/11/2017;

- + Giấy cam kết giao trả đất ngày 28/11/2018;

- + Giấy thỏa thuận cam kết giữa hai bên về việc chấm dứt văn bản thuê tài sản và giao trả đất thuê ngày 30/11/2017, lập ngày 28/11/2018. Trường hợp ông L, ông L1 không đồng ý thì phía bị đơn đề nghị TAND huyện EaKar hủy bỏ các văn bản trên. Toàn bộ là ý kiến trình bày của bị đơn bà H' K để tòa xem xét, phía bị đơn không có yêu cầu phản tố về những nội dung này.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Thanh Đ trình bày:***

Tôi đồng ý với phần trình bày của nguyên đơn, tôi không bổ sung gì thêm. Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện EaKar xem xét giải quyết buộc bà H'K Mlô

phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng tôi số tiền gốc còn nợ 430.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án tính lãi suất cho tôi đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành L1 trình bày:***

Giữa tôi và bà H' K Mlô là người mua đất và người bán đất, sau khi thỏa thuận mua bán đất xong thì ngày 31/10/2017 tôi và bà H' K có đến văn phòng công chứng P để làm thủ tục sang nhượng. Nội dung việc sang nhượng là bà H' K Mlô chuyển nhượng toàn bộ thửa 183, 184, 210, 211, tờ bản đồ số 17 tại Buôn E, thị trấn E, huyện EaKar, diện tích chuyển nhượng là 14.930 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 006765 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 20/01/2016 với giá 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), đã giao tiền sau khi làm thủ tục chuyển nhượng. Ngày 20/11/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 006765 đứng tên Nguyễn Thành L1 (cập nhập thay đổi chủ sở hữu trang số 3 ngày 20/11/2017). Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa tôi và bà H' K Mlô là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

***Người làm chứng bà H' N Bĩa trình bày:***

Bà H' K Mlô có đến nhà tôi vay số tiền 350.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, lãi suất 06 tháng là 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 380.000.000 đồng. Và bà H' K Mlô có thể chấp cho tôi 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày trả nợ, bà H' K không có tiền trả nợ nên bà H' K có nhờ tôi cầm 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đến nhà ông Nguyễn Văn L để vay số tiền 420.000.000 đồng. Trong khi bà H' K làm thủ tục vay thì tôi ngồi ngoài hè nhà ông L vì ông L không cho tôi vào. Đến lúc giao tiền thì ông L cho tôi vào nhà nhận số tiền 420.000.000 đồng, trong số tiền này ông L giữ lại 26.000.000 đồng lãi suất tháng đầu, còn 394.000.000 đồng thì bà H' K trả tôi 380.000.000 đồng và bà H' K giữ lại 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DSST ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk quyết định:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.**

Buộc bà H' K Mlô phải trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Thanh Đ tổng số tiền 741.790.310 đồng. Trong đó, 430.000.000 đồng tiền vay gốc và 311.790.310 đồng tiền lãi suất tính đến ngày 27/5/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong, bà H' K Mlô còn phải trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Thanh Đ khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định số 06/2018/QĐ – BPKCTT ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện EaKar để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10/6/2020, bị đơn bà H'K Mlô làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Xét đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của bà H'K Mlô; các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: giữa ông L và bà H'K thực tế có 02 khoản vay vào ngày 13/4/2016 số tiền vay 450.000.000 đồng và ngày 19/4/2017 là: 1.073.000.000 đồng; Tổng cộng là: 1.523.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi tính toán lại các bên nhập gốc vào lãi để tính tiếp lãi là không đúng quy định, đồng thời mức lãi suất các bên thỏa thuận quá cao so với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần áp dụng quy định tại điểm c Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm cần tính toán lại số tiền gốc và lãi suất để tính lại. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm như đã phân tích nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn bà H' K Mlô cho rằng bà chỉ vay của ông L 420.000.000 đồng vào ngày 13/4/2016, tại thời điểm vay này bà đã trả trước cho ông L 26.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 27/03/2018, bà H'K trả 320.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 100.000.000đ nợ gốc và lãi suất. Khi bà H'K không có tiền trả nợ thì ông L đã đe dọa, ép buộc bà viết giấy nhận nợ, ký và điểm chỉ tại nhà ông L rồi ông L tự mang đi công chứng đối với các văn bản: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/10/2017; Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng P ngày 29/11/2017 giữa bà H' K với ông Nguyễn Văn L; Văn bản thỏa thuận bàn giao đất và thuê lại tài sản ngày 30/11/2017; Giấy cam kết giao trả đất ngày 28/11/2018; Giấy thỏa thuận cam kết giữa hai bên về việc chấm dứt

văn bản thuê tài sản và giao trả đất thuê ngày 30/11/2017, lập ngày 28/11/2018 nhưng phía bị đơn không có bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng, cũng như không báo chính quyền địa phương trong suốt thời gian từ 2016 đến 2018. Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 27/4/2020 tại Văn phòng công chứng P thể hiện việc ông L và bà H' K MLô xác lập các Hợp đồng thế chấp số 00199 ngày 13/4/2016; Hợp đồng thế chấp 00244 ngày 01/8/2017; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 09/HĐCN-2017 và Hợp đồng cho vay tiền số 18 ngày 29/11/2017 ... là hoàn toàn tự nguyện có mặt của hai bên, sau khi công chứng, bà H' K cũng không có ý kiến, khiếu nại gì đối với các văn bản công chứng này, việc công chứng được công chứng viên thực hiện đúng trình tự quy định pháp luật. Bà H'K MLô là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự để biết được trách nhiệm của mình khi giao kết bất kỳ một giao dịch dân sự nào, nên bà phải chịu trách nhiệm đối với nội dung đã ký kết trong hợp đồng. Như vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay và lãi suất là có căn cứ.

Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp, lời khai của các bên đương sự, các biên bản hòa giải, đối chất, xét thấy nguồn gốc Hợp đồng vay tiền số 18 với số tiền 750.000.000 đồng là từ các khoản nợ trước đây, giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận tính toán lại sau đó nhập gốc và lãi thành tiền gốc là không đúng quy định và số tiền lãi suất giữa các bên thỏa thuận theo từng thời điểm vay vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật nên cần áp dụng điểm c Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm cần tính toán lại số tiền gốc và lãi suất của toàn bộ quá trình vay như sau:

- Đối với số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 13/4/2016 đến ngày 13/6/2016, lãi suất giữa các bên thỏa thuận 1,5%/tháng là không phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự Điều 476 BLDS năm 2005, lãi suất trong hạn là:

$$(450.000.000 \times 61 \text{ ngày} \times 1,125\%/\text{tháng}) : 30 = 10.293.750 \text{ đồng}$$

- Đến ngày 24/7/2017 các bên mới thỏa thuận lập hợp đồng mới, áp dụng khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, như vậy số tiền lãi suất quá hạn đối với số tiền gốc 450.000.000 đồng từ ngày 14/6/2016 đến ngày 24/7/2017 là:

$$(450.000.000 \times 405 \text{ ngày} \times 9\%/\text{năm}) : 360 = 45.562.500 \text{ đồng.}$$

- Đối với số tiền 1.073.000.000 đồng. Đến ngày 24/7/2017 các bên mới thỏa thuận chốt số nợ mới, lãi suất từ ngày 14/4/2017 đến ngày 24/7/2017, giữa các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là không phù hợp với Bộ luật dân sự 2015 nên cần áp dụng Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, cần áp dụng mức lãi suất là 20%/năm, như vậy tiền lãi suất từ ngày 14/4/2017 đến ngày 24/7/2017 là:

$$(1.073.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 101 \text{ ngày}) : 360 = 60.207.222 \text{ đồng}$$

- Số tiền gốc tính đến ngày 24/7/2017 là: 1.523.000.000 đồng (bằng 450.000.000 đồng + 1.073.000.000 đồng), tại thời điểm này giữa các bên thỏa thuận lãi suất 02%/tháng là quá cao, cần áp dụng mức lãi suất là 20%/năm, thời hạn trả nợ ngày 01/11/2017. Đến ngày 31/10/2017 bị đơn thỏa thuận trả nguyên đơn 1.000.000.000 đồng, như vậy tiền lãi tính từ ngày 25/7/2017 đến ngày 31/10/2017 là:

$$(1.523.000.000 \times 20\%/năm \times 98 \text{ ngày}) : 360 = 82.918.888 \text{ đồng.}$$

Ngày 31/10/2017 bị đơn trả nguyên đơn 1.000.000.000 đồng, nợ gốc còn lại là 523.000.000 đồng tiền gốc. Từ ngày 01/11/2017 đến ngày 28/11/2017 giữa các bên không thỏa thuận lãi suất, đến ngày 29/11/2017 lập hợp đồng vay mới với mức lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ 01/3/2018. Lãi suất số tiền gốc 523.000.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm là:

- Lãi suất trong hạn từ ngày 29/11/2017 đến ngày 01/3/2018:  $(523.000.000 \times 1,5\%/tháng \times 92) : 30 = 24.058.000 \text{ đồng.}$

- Lãi suất của khoản tiền lãi chậm trả từ ngày 02/03/2018 đến ngày 27/5/2020:  $(24.058.000đ \times 10\%/năm \times 817 \text{ ngày}) : 360 = 5.459.829 \text{ đồng.}$

- Lãi suất quá hạn của 523.000.000 đồng từ ngày 02/03/2018 đến ngày 27/03/2018:  $(523.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 1,5\%/tháng \times 25 \text{ ngày}) : 30 = 9.806.250 \text{ đồng.}$

Ngày 27/3/2018 bị đơn trả cho nguyên đơn 320.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 203.000.000 đồng.

- Lãi suất quá hạn của 203.000.000 đồng từ ngày 28/03/2018 đến ngày 27/5/2020:  $(203.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 1,5\%/tháng \times 791 \text{ ngày}) : 30 = 120.429.750 \text{ đồng.}$

Tổng cộng, buộc bị đơn bà H'K Mlô phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Thanh Đ 203.000.000 đồng tiền vay gốc và 358.736.189 đồng tiền lãi suất phát sinh.

Từ những nhận định trên xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và sửa bản án sơ thẩm như đã phân tích nêu trên.

[3] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Do bà H'K Mlô là gia đình thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn giảm án phí. Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí cho bà H'K.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**



1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà H'K Mlô. Sửa bản án sơ thẩm số 11/2020/DSST ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

Buộc bà H' K Mlô phải trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Thanh Đ tổng số tiền 561.736.189 đồng. Trong đó, 203.000.000 đồng tiền vay gốc và 358.736.189 đồng tiền lãi suất tính đến ngày 27/5/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong, bà H' K Mlô còn phải trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Thanh Đ khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện buộc bà H' K Mlô phải trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Thanh Đ số tiền gốc 227.000.000 đồng.

4. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định số 06/2018/QĐ – BPKCTT ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện EaKar để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H' K Mlô được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004705, ngày 05/12/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H' K Mlô không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà H' K Mlô đã nộp theo biên lai số AA/2019/0011149 ngày 16/6/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,*

*Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- CCTHADS huyện E;
- Các đương sự;
- .....
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Nhung**